

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CỦA PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non **Mã ngành:** 51140201

Tên tiếng Anh: Early Childhood Education

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Đơn vị đào tạo: Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và thực tế giáo dục của địa phương.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên đáp ứng được những yêu cầu của GDMN. Giáo viên mầm non được đào tạo có đủ phẩm chất đạo đức, sức khỏe và năng lực thực hiện các công việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non; có khả năng nghiên cứu khoa học để giảng dạy; có khả năng tự bồi dưỡng, tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động thích ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non và học tiếp ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến thức

Vận dụng được kiến thức cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

Vận dụng được kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành vào quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của GDMN.

b) Kỹ năng

Có kỹ năng phát triển chương trình GDMN, xây dựng môi trường giáo dục, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

Có kỹ năng quản lý nhóm/lớp mầm non, nghiên cứu khoa học về GDMN.

Có kỹ năng giao tiếp, tư vấn, phối hợp, truyền thông trong thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tuân thủ và chủ động thực hiện các quy định chung, quy định của GDMN.

Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; biết chịu trách nhiệm cá nhân và tự đánh giá, đánh giá, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ.

Tự học và thích ứng trong các điều kiện thay đổi.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CTĐT)

3.1. Về kiến thức

a) Kiến thức chung

CH01: Vận dụng được những kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

b) Kiến thức cơ bản

CH02: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, cần thiết vào việc nghiên cứu, tìm hiểu kiến thức chuyên ngành GDMN; hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

c) Kiến thức chuyên ngành

CH03: Hiểu và vận dụng kiến thức về phát triển thể chất, tâm lý, ngôn ngữ, vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh cho trẻ mầm non để thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

CH04: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về phát triển chương trình, đánh giá, quản lý trong giáo dục mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

CH05: Hiểu và vận dụng các kiến thức về phương pháp để thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm-kĩ năng xã hội, thẩm mỹ.

CH06: Ứng dụng các kiến thức về công nghệ thông tin: phần mềm, trí tuệ nhân tạo (AI) trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non nhằm phát triển năng lực số của sinh viên đáp ứng mức độ cơ bản trong khung năng lực số (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3.2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nhận thức

CH07: Phát hiện và giải quyết được vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

b) Kỹ năng thực hành nghề nghiệp

CH08: Kỹ năng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Đảm

bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; vận dụng kiến thức để đảm bảo an toàn cho trẻ, phòng tránh một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ, hướng dẫn trẻ biết tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân.

Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp để tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả.

Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; thực hiện nghiên cứu sư phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non; ứng dụng một số kiến thức tự chọn vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

c) Kỹ năng giao tiếp, ứng xử

CH09: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả với các đối tượng khác nhau; quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp; thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp.

d) Năng lực ngoại ngữ

CH10: Có năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CH11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, làm việc trong điều kiện thay đổi; tự đánh giá chất lượng công việc của bản thân và đồng nghiệp; giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

CH12: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, phụ huynh và chịu trách nhiệm cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3.4. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non, các nhóm trẻ.
- Chuyên viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan quản lý giáo dục.
- Chuyên viên tại các tổ chức có đối tượng là trẻ mầm non.
- Tư vấn viên về giáo dục mầm non.
- Làm việc tại các cơ sở chăm sóc và can thiệp cho trẻ rối loạn.

3.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng học tập ở các trình độ đại học, sau đại học thuộc chuyên ngành Giáo dục Mầm non hoặc các chuyên ngành khác có liên quan.

4. Thời gian đào tạo: 3 năm.

5. Nội dung Chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Tổng số	Lý thuyết	TH, TL, BT
1. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUNG			21	375	253	122
1	CT.13	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	30	27	3
2	CT.70	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	45	40	5
3	CT.08	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	3
4	CT.01	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	27	3
5	CT.04	Pháp luật đại cương	2	30	27	3
6	TA.56	Tiếng Anh 1	3	60	30	30
7	TA.57	Tiếng Anh 2	3	60	30	30
8	TC.01	Giáo dục thể chất 1		30		30
9	TC.02	Giáo dục thể chất 2		30		30
10	TC.03	Giáo dục thể chất 3		30		30
11	QP.08	Giáo dục quốc phòng - an ninh		165	77	88
12	TI.50	Tin học	2	60	15	45
13	CT.06	Quản lý Hành chính Nhà nước và quản lý ngành	2	30	30	
2. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			16	322	143	179
14	TL.11	Tâm lý học đại cương	2	30	25	5
15	TL.20	Giáo dục học và Giáo dục học mầm non	3	60	30	30
16	MN.20	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	3	45	40	5
17	MN.07	Mỹ thuật	2	60		60
18	AN.05	Âm nhạc và múa	2	52	7	45
19	MN.08	Nghề giáo viên mầm non	2	30	26	4
20	NV.24	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	30
3. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			33	855	309	546
21	MN.21	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	45	23	22
22	MN.19	Quản lý trong GDMN	2	30	30	
23	MN.26	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2	45	23	22
24	MN.10	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	45	23	22

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Tổng số	Lý thuyết	TH, TL, BT
25	TI.44	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	75	7	68
26	MN.101	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3	60	30	30
27	MN.02	Đánh giá trong GDMN	2	30	30	
28	MN.25	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2	45	23	22
29	MN.14	Phương pháp làm quen với văn học	2	60	15	45
30	MN.24	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	60	15	45
31	MN.23	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	60	15	45
32	MN.22	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	60	15	45
33	MN.15	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	60	15	45
34	MN.13	Phương pháp làm quen với toán	2	60	15	45
35	MN.12	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	60	15	45
36	MN.17	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em mầm non	2	60	15	45
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 01 HP)			2	30	30	
37	TO.18	PP nghiên cứu khoa học	2	30	30	
38	SI.22	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	30	30	
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 02 HP)			4	60	60	
39	TL.30	Giao tiếp sư phạm mầm non	2	30	30	
40	MN.03	Giáo dục gia đình	2	30	30	
41	MN.04	Giáo dục hòa nhập	2	30	30	
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (Chọn 01 HP)			3	60	30	30
42	TA.62	Tiếng Anh cho trẻ mầm non	3	60	30	30
43	NV.43	PP tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS	3	60	30	30
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn D (Chọn 01 HP)			3	75	15	60
44	QV.50	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc	3	75	15	60
45	MT.33	Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ chơi cho trẻ	3	75	15	60

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Tổng số	Lý thuyết	TH, TL, BT
THỰC TẬP			11			
46	MN.06	Thực tập sư phạm 1 (2 tuần)	2			
47	MC.11	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	4			
48	MC.12	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	5			
BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP KHÁC						
1	Các chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên (20 tiết/chuyên đề)					
2	Các chuyên đề bồi dưỡng một số kiến thức nghiệp vụ nghề nghiệp cho SV					
Tổng toàn khóa (Chưa kể GDTC, GDQPAN và bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp)			93	1777	840	937